

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**- 1 -
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2023
V/v ly hôn giữa
Bà T và ông N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Ngọc Mai
2. Ông Nguyễn Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Diệu T, sinh năm: 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ C, khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Võ Văn N cưới nhau vào năm 2016 và đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2016 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Bà và ông N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột không mong muốn. Bà và ông N đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay để cả hai có thời gian suy nghĩ giải quyết những mâu thuẫn không mong muốn nhưng hiện tại cả hai vẫn không hàn gắn được. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông N và vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn N.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Võ Trần N1, sinh ngày 12/12/2016. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ: không có.

Do bản công việc nên bà Trần Thị Diệu T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Võ Văn N vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Diệu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn N. Ông N có nơi cư trú tại ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Văn N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Diệu T và ông Võ Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột không mong muốn nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N không đến Tòa án, chứng tỏ ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T để vợ chồng đoàn tụ, bà T cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, bà T không còn tình cảm với ông N và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Diệu T.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà T cung cấp, bà T và ông N có 01 con chung là cháu Võ Trần N1, sinh ngày 12/12/2016. Xét thấy, bà T là người đang trực tiếp nuôi cháu N1 và đã có cuộc sống ổn định nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được tiếp tục nuôi cháu Võ Trần N1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T xác định không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Do ông N không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng

xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Do ông N không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: bà Trần Thị Diệu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2.6] Về quyền kháng cáo: bà Trần Thị Diệu T và ông Võ Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diệu T về việc “Ly hôn” với ông Võ Văn N.

1. Về hôn nhân: bà Trần Thị Diệu T được ly hôn với ông Võ Văn N.

2. Về nuôi con chung: bà Trần Thị Diệu T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Võ Trần N1, sinh ngày 12/12/2016. Ông Võ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: bà Trần Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0005244 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- CCTHADS huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- UBND phường Minh Long;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung